

Bản án số: **217/2022/HS-ST**
Ngày: 28 /10/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hậu

Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn H - Sinh năm: 1995; HKTT: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Bố: Vũ Trọng H1 (đã chết); Mẹ: Mai Thị H2, Sinh năm: 1963. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con út (Theo lý lịch bị can). Vợ, con: chưa có. Tiền án; tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số A Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Phi H3 - Sinh năm: 1990; HKTT: Thôn Đ (nay thuộc thôn Đ), xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Từ 05/9/2018 đã cắt khẩu xin chuyển về phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: Hà Văn S, M: Hoàng Thị N; Bị cáo là con thứ nhất, Vợ: con: Chưa có. Tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số A Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Dương Trung K, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đ, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Anh Phạm Đình T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Lô G N, phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2020, Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 quen biết qua mạng xã hội. Quá trình quen biết nhau, H đã nhiều lần vay tiền của H3 để chi tiêu. Ngày 04/01/2021, H đã nhắn tin hỏi vay H3 số tiền 20.000.000 đồng nhưng H3 không đồng ý, H3 nói nếu H có tài sản gì đảm bảo thì mới cho vay và nói với H nếu thuê được xe ô tô mang đến cầm cố cho H3 thì H3 mới cho vay tiền, H đồng ý. Do bản thân H không biết thuê xe ở đâu nên H đã nhờ H3 tìm giúp người cho thuê xe với mục đích sẽ dùng xe thuê giao cho H3 để vay tiền. H3 đồng ý và yêu cầu H gửi hình ảnh Chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu của H vào tài khoản Zalo của H3 (đăng ký bằng số điện thoại 0985.382.890 của H3 nhưng H3 không đăng ký đúng tên chính chủ).

Sau khi thống nhất, H3 đã tìm kiếm trên mạng Internet thì thấy thông tin cho thuê chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI ATTRAGE màu đỏ, BKS: 30G-370.11 của anh Dương Trung K, sinh năm: 1995, HKTT: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội nên H3 đã liên lạc với anh K bằng số điện thoại 0918.284.444 (là số H3 mua trả góp của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1991, HKTT: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội từ tháng 9/2021) để hỏi anh K về thủ tục cho thuê xe ô tô. Quá trình nhắn tin với anh K, Hải giới thiệu tên là Vũ Văn H, sinh năm: 1995, HKTT: xã N, huyện N, huyện T và hỏi thuê xe để về quê đi lễ tết trong thời gian là 07 ngày. Anh K đồng ý và bảo H3 gửi ảnh chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và sổ hộ khẩu. H3 sau đó đã lấy hình ảnh giấy tờ của H đã gửi cho H3 trước đó và chuyển cho anh K, anh K xem và đồng ý cho H3 thuê xe trong 07 ngày với giá 600.000 đồng/ngày (từ thứ 2 đến thứ 6) và 700.000 đồng/ngày (thứ 7, chủ nhật), đặt cọc trước số tiền 20.000.000 đồng. H3 đồng ý sau đó báo lại với H về nội dung thỏa thuận trên để H biết, H đồng ý.

Do H đã mang cầm cố giấy phép lái xe của mình tại cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Văn T1 (sinh năm: 1972, HKTT: Lan Giới, huyện T, tỉnh Bắc Giang) tại số C đường T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội với số tiền 5.000.000 đồng, chưa có tiền để lấy về nên H đã nhờ H3 đến lấy giấy phép lái xe cho H. Ngày 12/01/2022, H3 đã đến gặp anh T1 để lấy bằng lái xe của H và thông báo cho H biết H3 đã lấy được giấy phép lái xe, số tiền phải trả cho anh T1 là 5.400.000 đồng, tiền thuê xe taxi hết 600.000 đồng nên sẽ tính H nợ H3 số tiền 6.000.000 đồng. H đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 12/01/2021, H3 cùng với anh họ của mình là Nguyễn Viết D, sinh năm 1995, HKTT: xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình đi xe taxi tới đón H tại khu vực phường T, quận H, Hà Nội và cùng đi đến số B đường T, phường T, quận N, Hà Nội gặp anh K để thuê xe ô tô. Khi đến nơi, H3 và D đứng ngoài đường, H3 bảo H vào trong nhà làm việc trực tiếp với anh K, H3 sẽ chuyển cho H số tiền 20.000.000 đồng để đặt cọc thuê xe theo thỏa thuận, sau đó đưa cho H cầm điện thoại lắp sim 0918.284.444 của H3 và dặn H cứ trả lời theo nội dung H3 đã nhắn tin với anh K (trước đó H3 có cho H đọc nội dung tin nhắn thuê xe giữa H3 và anh K).

Sau đó, do tài khoản của H3 không thể sử dụng Internet Banking để chuyển tiền nên đã nhờ D cho mượn tài khoản ngân hàng để H3 nhờ bạn là anh Chu Văn H4, sinh năm: 1990, HKTT: xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản của D (H3 vay tiền của anh H4), do D không có tài khoản ngân hàng nên D cho H3 số tài khoản của bạn gái D là Bùi Thị H5, sinh năm 1993, HKTT: xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình để bảo anh H4 chuyển tiền vào đó. Sau khi anh H4 chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản của H5, H3 bảo để khi nào H báo chuyển tiền thuê xe H3 sẽ nhờ D bảo H5 chuyển cho H.

Vũ Văn H sau khi vào gặp và thỏa thuận thuê xe của anh K xong thì gọi điện thoại bảo H3 chuyển số tiền 20.000.000 đồng để đặt cọc, H3 bảo D liên hệ với H5 và chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản của H5 đến số tài khoản 109869781827 tại ngân hàng V của H và H chuyển khoản lại cho anh K. Sau đó, anh K và H đã ký Hợp đồng cho thuê xe tự lái số 11012021/HĐCTXTL ngày 12/01/2022 và anh K đã giao xe MITSUBISHI ATTRAGE màu đỏ, BKS: 30G- 370.11 cùng các giấy tờ xe liên quan cho H. Thuê được xe, H điều khiển xe ô tô chở H3 và D về phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Tại đây, H bảo H3 cho H vay số tiền 60.000.000 đồng, H3 đồng ý và thống nhất với H trừ số tiền 6.000.000 đồng lấy hộ H giấy phép lái xe và 20.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe thì sẽ chuyển số tiền 34.000.000 đồng cho H và bảo H viết giấy bán xe cho H3 với giá bán là 160.000.000 đồng để

làm tin, khi nào H trả đủ số tiền 60.000.000 đồng thì H3 sẽ trả xe và giấy bán xe trên, H đồng ý và viết giấy bán xe ô tô theo hướng dẫn của H3. Sau khi cầm giấy bán xe do H viết, H3 nhận xe và hẹn H sẽ chuyển số tiền 34.000.000 đồng cho H sau nhưng sau đó, do chưa có tiền để chuyển cho H nên H3 đã đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc chuyển số tiền còn lại cho H.

Ngày 17/01/2022, Hoàng Phi H3 và Nguyễn Viết D đi chiếc xe ô tô MITSUBISHI ATTRAGE màu đỏ, BKS: 30G- 370.11 đến thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để chơi. Đến ngày 18/01/2022, do H3 cần tiền để chuyển cho H và trả nợ cá nhân nên đã nhờ D xem có mượn được ai số tiền 114.000.000 đồng giúp H3, nếu cần thì để lại chiếc xe ô tô trên để làm tin trong thời gian 10 ngày sẽ trả lại tiền. D sau đó đã liên hệ với bạn là anh Phạm Đình T (SN: 1988, HKTT: Phường Đ, thành phố T, Thanh Hóa) hỏi vay tiền hộ H3. Anh T đồng ý nhưng nói chỉ biết cho D vay còn không biết H3 là ai, D phải có trách nhiệm trả tiền cho anh T, D đồng ý. Anh T sau đó đã chuyển D vay số tiền 114.000.000 đồng (từ tài khoản 10949002999, tại ngân hàng T2 của anh T đến tài khoản 19033875443018, tại ngân hàng T3 của H5 bạn D), hẹn sau 10 ngày sẽ trả tiền và D đã gửi lại chiếc xe ô tô BKS: 30G- 370.11 tại nhà anh T, và hẹn mấy ngày sau quay lại lấy để đi công việc với H3. D sau đó nhờ H5 chuyển số tiền 15.000.000 đồng đến tài khoản của H theo yêu cầu của H3, số tiền còn lại thì chuyển cho H3 để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến ngày 19/01/2022, H3 tiếp tục chuyển khoản cho H số tiền 15.000.000 đồng và ngày 20/01/2022 chuyển nốt số tiền 4.000.000 đồng còn lại. Tổng số tiền H3 đã chuyển cho H là 60.000.000 đồng (gồm cả số tiền tiền 26.000.000 đồng trước đó).

Ngày 19/01/2022, hết thời hạn thuê xe, anh K đòi xe nhưng H không trả xe cho anh K. Qua định vị, anh K phát hiện chiếc xe trên đang ở khu đô thị M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên đã tới tận nơi tìm và trình báo cơ quan Công an phường Đ. Công an phường Đ đã cùng anh K đến làm việc và thông báo cho người đang quản lý xe là anh Phạm Đình T biết sự việc. Anh T nói xe do bạn của anh T là D gửi nên không giao xe và T đã viết cho anh K nhận giữ hộ xe để anh K trình báo cơ quan công an. Ngày 21/01/2022, anh K đã trình báo sự việc với Công an phường T và thông báo cho H. Đến tối ngày 21/01/2022, Vũ Văn H đã đến Công an phường T đầu thú và sau đó đến ngày 08/5/2022, Hoàng Phi H3 cũng đến cơ quan điều tra Công an quận N đầu thú.

Ngày 25/01/2022, anh Phạm Đình T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu đỏ, BKS: 30G - 370.11.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng số Imei: 353341075296955, gắn sim số: 0969.907.567 của Vũ Văn H; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu đỏ, BKS: 30G - 370.11, số máy: 3A92UJT5638; số khung: MMBSTA13AMH002408; 01 (một) hợp đồng cho thuê xe tự lái số 11012021/HĐCTXTL ngày 12/01/2022; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô BKS: 30G-370.11; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 30G - 370.11; 01 (một) giấy biên nhận thế chấp, phôi tờ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 30G-370.11.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 69 ngày 28/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận N, kết luận: *Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, 5 chỗ ngồi, số tự động, màu đỏ, BKS: 30G-370.11, số khung: MMBSTA13AMH002408, số máy: 3A92UJT5638, đăng ký lần đầu ngày 13/10/2021, đã qua sử dụng trị giá 480.000.000 đồng.*

Tại Kết luận giám định số 1938 ngày 29/3/2022 của Phòng K2 Công an thành phố H, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Dương Trung K của phần đại diện bên A, tại hợp đồng cho thuê xe tự lái số 11012021/HĐCTXTL, ngày 12/01/2022 và phiếu bàn giao xe ngày 12/01/2022, **là chữ do cùng một người ký và viết ra.**

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Vũ Văn H của phần đại diện bên B, tại hợp đồng cho thuê xe tự lái số 11012021/HĐCTXTL, ngày 12/01/2022 và phiếu bàn giao xe ngày 12/01/2022, **là chữ do cùng một người ký và viết ra.**

Tại cơ quan điều tra, Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, xác minh, xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu đỏ, BKS: 30G-370.11 là tài sản của anh Dương Trung K, nên ngày 17/02/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận N đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả cho anh Dương Trung K cùng giấy tờ liên quan đến xe đã thu giữ. Anh Dương Trung K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với Nguyễn Viết D, quá trình điều tra xác định D không biết việc H và H3 bàn bạc thuê xe ô tô của anh K để chiếm đoạt tài sản. D cũng không có mặt tại thời điểm H3 và H viết giấy bán xe nên không biết sự việc H và H3 lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do tài liệu điều tra chưa đủ cơ sở xác định D tham gia bàn bạc với H3 để chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Phạm Đình T, quá trình điều tra xác định khi cho D vay số tiền 114.000.000 đồng và cho D gửi chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi

Attrage, BKS: 30G-370.11 tại nhà, anh T không biết nguồn gốc chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, BKS: 30G-370.11 là do Hoàng Phi H3 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh Phạm Đình T yêu cầu Nguyễn Viết D trả lại số tiền vay; Nguyễn Viết D yêu cầu Hoàng Phi H3 có trách nhiệm trả lại số tiền 114.000.000 đồng để D trả lại cho anh Phạm Đình T.

Đối với số điện thoại 0918.284.444, quá trình điều tra xác định số điện thoại trên đăng ký chủ thuê bao là của anh Nguyễn Văn Q. Anh Q khai ngày 20/9/2021, do không có nhu cầu sử dụng nên anh Q đã bán lại cho Hoàng Phi H3, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Bùi Thị H5 và Chữ Văn H6, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng H5 và H6 chưa đến làm việc. Tiến hành xác minh tại gia đình và địa phương, xác định H5 và H6 hiện đang vắng mặt tại địa phương, gia đình và địa phương không biết ở đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra đã tiến hành tách phần tài liệu liên quan để điều tra, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 213 /CT-VKS ngày 28/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 .

Tại phiên toà, bị cáo H và H3 khai nhận hành vi của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm a Khoản 3 Điều 174 , Điều 38; Điều 48; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Xử phạt: Vũ Văn H từ 09 năm đến 10 năm tù.

Xử phạt: Hoàng Phi H3 từ 09 năm đến 10 năm tù.

* Về dân sự:

+ Bị hại: Anh Dương Trung K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đề cập.

+ Buộc bị cáo Vũ Văn H và bị cáo Hoàng Phi H3 liên đới bồi thường số tiền 114.000.000đ trả cho anh Nguyễn Viết D để anh Nguyễn Viết D trả lại cho anh Phạm Đình T số tiền 114.000.000đ. Trong đó phần của bị cáo Vũ Văn H là 60.000.000đ; bị cáo Hoàng Phi H3 là 54.000.000đ.

+ Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

* Xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu H7 số Imei 353341075296955, gắn sim số 0969907567 của Vũ Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại đến vụ án không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 12/01/2022, tại số B đường T, phường T, quận N, thành phố Hà Nội, Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu đỏ, BKS: 30G - 370.11 trị giá 480.000.000 đồng của anh Dương Trung K.

[3] Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, nên cần phải có hình phạt nghiêm để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung. Do vậy hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, ông ngoại của các bị cáo đều là người có công với cách mạng, tại phiên tòa, bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo Hoàng Phi H3 là người trực tiếp liên hệ với bị hại để thuê xe và yêu cầu bị cáo H phải viết giấy bán xe cho bị cáo, nên vai trò của bị cáo cao hơn bị cáo H. Bị cáo H phải chịu hình phạt tương ứng với hành vi mà mình gây ra.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên thì phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

6.1. Anh Nguyễn Trung K1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

6.2. Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo Hoàng Phi H3 trả số tiền 114.000.000đ cho anh Nguyễn Viết D.

6.3. Buộc bị cáo Vũ Văn H trả cho bị cáo Hoàng Phi H3 số tiền 60.000.000đ.

6.4. Buộc anh Nguyễn Viết D trả cho anh Phạm Đình T số tiền 114.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu H7, số Imei 353341075296955, gắn sim số 0969907567 của Vũ Văn H.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[9] Về mức hình phạt đối với các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt mỗi bị cáo mức án từ 09 năm đến 10 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX xem xét, quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo thấp hơn mức hình phạt theo đề nghị của VKSND quận Nam Từ Liêm là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhưng vẫn đủ tính răn đe đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 48; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2022.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Phi H3 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2022.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 587; Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Anh Nguyễn Trung K1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình và bị cáo Hoàng Phi H3 trả cho anh Nguyễn Viết D số tiền 114.000.000đ.

3. Buộc bị cáo Vũ Văn H trả cho bị cáo Hoàng Phi H3 số tiền 60.000.000đ.

3. Buộc anh Nguyễn Viết D trả cho anh Phạm Đình T số tiền 114.000.000đ.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu H7 số Imei 353341075296955, gắn sim số 0969907567 của Vũ Văn H. Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 240 ngày 28/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn H và Hoàng Phi H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo H phải chịu 3.000.000đ đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Viết D phải chịu 5.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Vũ Văn H và Hoàng Phi H3, Bị hại anh Dương Trung K có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đình T có mặt có quyền kháng cáo những phần liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết D vắng mặt có quyền kháng cáo những phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- NCQLNVL
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Thanh